

Bản án số: 23/2019/HS-PT
Ngày 30-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 166/2018/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Trần Đại D cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 204/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Đại D, sinh ngày 31/7/1962 tại Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 29, đường Y, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên Chi Cục trưởng Chi cục B tỉnh Lạng Sơn; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X (Trần X), sinh năm 1939 và bà Lưu Tuyết M (Đã chết); bị cáo có vợ là Tạ My U, sinh năm 1965 và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2006; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hoàng Văn D1, sinh ngày 27/9/1980 tại Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi tạm trú: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Kỹ thuật Chi cục B tỉnh Lạng Sơn; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K (đã chết) và bà Phạm Thị

H, sinh năm 1935; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Giáp Thị Phương M, sinh ngày 05/8/1981 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ngõ 1 cũ (Ngõ 76 mới), đường P, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán Chi cục B tỉnh Lạng Sơn; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giáp Huy T, sinh năm 1936 và bà Dương Thị M1, sinh năm 1938; có chồng là Nông Quốc B, sinh năm 1974 (đã ly hôn năm 2012) và có 01 con sinh năm 2007; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chi cục B tỉnh Lạng Sơn là cơ quan quản lý chuyên ngành, trực thuộc Sở N tỉnh Lạng Sơn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở N quản lý Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật và khử trùng.

Năm 2015 và năm 2016, Chi cục B tỉnh Lạng Sơn được giao kinh phí thực hiện công tác phòng, chống sâu bệnh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước số tiền là 1.800.000.000 đồng (Năm 2015 là 800.000.000 đồng, năm 2016 là 1.000.000.000 đồng). Ngoài ra từ năm 2015 đến năm 2017, Chi cục B tỉnh Lạng Sơn còn thực hiện thu phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn, bán thuốc bảo vệ thực vật cho các hộ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Năm 2015, để có tiền chi tiêu trong cơ quan, Trần Đại D là Chi cục trưởng Chi cục B tỉnh Lạng Sơn đã chỉ đạo Hoàng Văn D1, Trưởng phòng Kỹ thuật lập khống chứng từ thanh quyết toán chi phí nhân công Chương trình phun thuốc trừ sâu thử nghiệm trên cây Hối tại xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, số tiền là **6.200.000** đồng. Năm 2016 Trần Đại D chỉ đạo Hoàng Văn D1 lập khống chứng từ để rút từ Ngân sách Nhà nước số tiền **247.160.000** đồng trong việc thực hiện Chương trình phòng chống dịch hại trên cây Na huyện C và cây Hồng Bảo Lâm huyện C theo hướng VietGap. Ngoài ra Trần Đại D còn chỉ đạo Giáp Thị Phương M lập khống chứng từ thanh quyết toán tiền thuê xe là **21.600.000** đồng. Tổng số tiền mà Trần Đại D chỉ đạo Hoàng Văn D1 và Giáp Thị Phương M lập khống chứng từ thanh quyết toán để rút tiền từ Ngân sách Nhà nước trong 02 năm 2015, 2016 là **274.960.000** đồng (*hai trăm bảy mươi tư triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).

Đối với Hoàng Văn D1 đã lợi dụng vào chỉ đạo lập khống chứng từ của Trần Đại D: Năm 2015, khi được giao tổ chức thực hiện Chương trình phun thuốc trừ sâu thử nghiệm trên cây Hối tại xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Hoàng Văn D1 đã thuê khoán nhân công thực hiện với

tiền công là 10.000.000 đồng nhưng khi quyết toán Hoàng Văn D1 đã lập chứng từ thanh quyết toán chi phí nhân công là 16.200.000 đồng để chiếm đoạt số tiền chênh lệch là **6.200.000** đồng. Năm 2016, thực hiện Chương trình phòng chống dịch hại trên cây Na huyện C, tỉnh Lạng Sơn và cây Hồng Bảo Lâm huyện C tỉnh Lạng Sơn theo hướng VietGap. Theo chỉ đạo của Trần Đại D, Hoàng Văn D1 đã lập khống chứng từ rút số tiền **247.160.000** đồng từ Ngân sách Nhà nước. Số tiền trên, Chi cục đã chi tạm ứng cho Bùi Văn D2, Giảng viên Viện B **60.000.000** đồng (Bùi Văn D2 đã hoàn ứng); chi tiền trợ giảng, công tác phí cho cán bộ tham gia **21.500.000** đồng; chi phục vụ công việc của Chi cục hết tổng số tiền **92.427.000** đồng; Hoàng Văn D1 còn giữ lại số tiền **73.233.000** đồng. Như vậy, tổng số tiền Hoàng Văn D1 đã chiếm đoạt trong 02 năm 2015-2016 là **79.433.000** đồng (*bảy mươi chín triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng chẵn*).

Từ năm 2015 đến năm 2017, Giáp Thị Phương M, nguyên Kế toán Chi cục B tỉnh Lạng Sơn được giao thực hiện việc thu phí, lệ phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn, bán thuốc B cho các hộ kinh doanh thuốc B trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, đã lợi dụng vào sự chỉ đạo của Trần Đại D trong việc lập khống chứng từ. Giáp Thị Phương M đã thu phí lệ phí của 160 trường hợp với tổng số tiền **91.700.000** đồng; sau khi đã chi **11.590.000** đồng tiền công tác phí cho các cán bộ đi thẩm định phục vụ việc cấp Giấy chứng nhận. Số tiền còn lại là **80.110.000** đồng (*tám mươi triệu một trăm mười ngàn đồng chẵn*) Giáp Thị Phương M đã chiếm đoạt, không nộp quỹ cơ quan, không báo cáo lãnh đạo Chi cục, không nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 204/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 221; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Trần Đại D phạm Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng. Phạt bị cáo Trần Đại D 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt. Cấm bị cáo Trần Đại D đảm nhiệm chức vụ chủ tài khoản trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015; Tuyên bố bị cáo Giáp Thị Phương M, bị cáo Hoàng Văn D1 phạm Tội tham ô tài sản; Phạt bị cáo Giáp Thị Phương M 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt. Cấm bị cáo Giáp Thị Phương M đảm nhiệm nhiệm vụ kế toán trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bị cáo Hoàng Văn D1 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt. Cấm bị cáo Hoàng Văn D1 thực hiện đề án, dự án trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Ngày 29/11/2018, bị cáo Trần Đại D, bị cáo Giáp Thị Phương M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm cho hưởng án treo. Ngày 30/11/2018, bị cáo Hoàng Văn D1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Đại D giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo; các bị cáo Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1 bổ sung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Đại D, Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1 làm trong hạn luật định nên hợp lệ và tại phiên tòa bị cáo Trần Đại D vẫn giữ nội dung kháng cáo; các bị cáo Giáp Thị Phương M và Hoàng Văn D1 bổ sung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng Bản án sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Trong quá trình kháng cáo cũng như tại phiên tòa, các bị cáo cũng đã trình bày về hoàn cảnh khó khăn, cũng như xin xác nhận của địa phương về hoàn cảnh gia đình, cơ quan chủ quản vẫn tiếp tục đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, các bị cáo quá trình công tác có nhiều thành tích, bản thân hiện đang bệnh tật, gia đình có khó khăn nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Trần Đại D, Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1 mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng án treo, vì điều kiện hoàn cảnh gia đình quá khó khăn và bản thân bệnh tật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Đại D, Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1 đều thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét, hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện tại thời điểm Bộ luật Hình sự 1999 còn hiệu lực, nhưng tại thời điểm bị phát hiện để điều tra, truy tố, xét xử thì Bộ luật Hình sự 2015 đã có hiệu lực nên căn cứ theo các điểm b, e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, thì hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xét xử theo qui định của bộ luật Hình sự năm 2015; vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã xét xử bị cáo Trần Đại D về tội Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng theo điểm b khoản 1 Điều 221 Bộ luật hình sự 2015, xét xử các bị cáo Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1 về tội Tham ô tài sản theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình

sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Đại D vẫn giữ nội dung kháng cáo xin hưởng án treo, các bị cáo Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1 bổ sung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo.

[2] Xét kháng cáo của của các bị cáo Trần Đại D, Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1, Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng. Cả 3 bị cáo đều đã khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra ngay sau khi Cơ quan chức năng phát hiện sai phạm, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải. Trong quá trình công tác, bị cáo Trần Đại D đã có nhiều thành tích nên được Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tặng Bằng khen, Bằng lao động sáng tạo; ngoài ra, bị cáo Trần Đại D có bố đẻ là ông Trần Văn X và mẹ đẻ là bà Lưu Thị Tuyết M được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến; bị cáo Giáp Thị Phương M có bố đẻ là ông Giáp Huy T và mẹ đẻ là bà Dương Thị M được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến; cả 03 bị cáo được Sở N tỉnh Lạng Sơn có Công văn đề nghị xem xét cho các bị cáo cải tạo tại địa phương; được lãnh đạo Chi cục B tỉnh Lạng Sơn đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, do đó mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[3] Trong quá trình kháng cáo, bị cáo Trần Đại D có cung cấp kết quả siêu âm và giấy xác nhận điều trị nội trú tại khoa truyền nhiễm của Bệnh viện Đ tỉnh Lạng Sơn (bị cáo đã ra viện ngày 04/12/2018). Trong đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Đại D cũng trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, là trụ cột chính trong gia đình, phải nuôi dưỡng bố mẹ già yếu, con nhỏ. Bị cáo Hoàng Văn D1 cung cấp bản kê khai người phải trực tiếp nuôi dưỡng là mẹ đẻ Phạm Thị H, sinh năm 1935, có xác nhận của UBND xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Giáp Thị Phương M cung cấp đơn xin xác nhận của UBND phường C về hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn chồng, hiện nay đang phải nuôi con trai 11 tuổi. Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo thấy rằng mặc dù các bị cáo Trần Đại D, Giáp Thị Phương M và Hoàng Văn D1 đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện cơ quan đơn vị vẫn có đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo, nhưng bị cáo Hoàng Văn D1 và bị cáo Giáp Thị Phương M phạm tội thuộc trường hợp không đủ điều kiện cho hưởng án treo. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc các bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới đã làm phát sinh thêm tình tiết mới, vì vậy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Đại D và kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Giáp Thị Phương M và Hoàng Văn D1.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, ý kiến không phù hợp không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Trần Đại D, Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Đại D, Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 204/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể:

1. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 221; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt bị cáo Trần Đại D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 30/01/2019. Cấm bị cáo Trần Đại D đảm nhiệm chức vụ chủ tài khoản trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Giao bị cáo Trần Đại D cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt bị cáo Giáp Thị Phương M 09 (chín) tháng tù về Tội tham ô tài sản; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù. Cấm bị cáo Giáp Thị Phương M đảm nhiệm nhiệm vụ kế toán trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D1 09 (chín) tháng tù về Tội tham ô tài sản; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù. Cấm bị cáo Hoàng Văn D1 thực hiện đề án, dự án trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Trần Đại D, Giáp Thị Phương M, Hoàng Văn D1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự, HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn

